

Bản án số: 576/2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v Tranh chấp “ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Phước Mãng.
2. Ông: Phạm Thành Nhơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm X; Địa chỉ thường trú: G, Xã P, Huyện T, Tỉnh A. (Vắng mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Minh T, sinh năm Y; Địa chỉ thường trú: M, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2022, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ và ông Nguyễn Hoàng Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 02/7/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47, do UBND Phường B, quận S, TP. Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại M, Phường B, Quận S, TP. Hồ Chí Minh cùng với gia đình chồng, chỉ hạnh phúc thời gian ngắn, do ông T không phụ giúp bà Đ về kinh tế và có dấu hiệu nghiện ma túy. Trước đây, khi quen nhau, bà Đ có biết việc ông T chơi hàng đá, bà Đ khuyên thì ông T bỏ, hai bên có con và tự nguyện đi đăng ký kết

hôn ngày 02/7/2018. Tuy nhiên, đến cuối năm 2018 ông T sử dụng lại hàng đá, bà Đ và hai bên gia đình khuyên nhủ nhưng ông T không nghe mà ngày càng sử dụng nhiều hơn nên giữa năm 2020 bà Đ mang con về tỉnh A sống với mẹ ruột. Trong thời gian ly thân từ năm 2020 cho đến nay, ông T chỉ về tỉnh A thăm con vài lần, không nói chuyện hàn gắn hay khuyên bà Đ về chung sống và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Đ xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Minh T.

Về con chung: Có 02 con chung gồm trẻ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày Z và trẻ Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày Z, hiện bà Đ đang nuôi dưỡng. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Hoàng Minh T vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đ có đơn xin vắng mặt, không có đơn rút yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Minh T.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận S, ông Nguyễn Hoàng Minh T có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại Quận S, thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Đ có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận S thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bà Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hoàng Minh T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Hoàng Minh T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02/7/2018 của UBND Phường B, quận S, TP. Hồ Chí Minh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau....Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng,

Theo bà Đ thì bà Đ và ông T phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2018, do ông T không phụ giúp bà Đ trong kinh tế và ông T có những dấu hiệu nghiện ma túy. Dù bà Đ và gia đình đã khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi nên từ giữa năm 2020 vợ chồng đã ly thân cho đến nay, ông T có về tỉnh A thăm con, nhưng vợ chồng không hàn gắn được.

Về phía ông Nguyễn Hoàng Minh T, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho ông T về việc bà Đ có đơn yêu cầu ly hôn ông. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông T không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Đ, cũng không đến Tòa án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông T và bà Đ đã không còn gắn bó; vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2020, nay không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; ông T không còn tha thiết đến tình cảm vợ chồng, không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng; phía bà Nguyễn Thị Đ vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà Đ và ông T có 02 con chung gồm trẻ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày Z và trẻ Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày Z. Bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng Minh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ giữa năm 2020 bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung đến nay và đủ điều kiện về mọi mặt để lo cho con nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ, giao cả hai con chung là trẻ Nguyễn Hoàng N và trẻ Nguyễn Hoàng T1 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Hoàng Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 02/7/2018 của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S cấp cho ông Nguyễn Hoàng Minh T và bà Nguyễn Thị Đ không còn giá trị pháp lý.

2/Về con chung: Giao cả 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng N, sinh ngày Z và trẻ Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày Z cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng Minh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0012074 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P04, Q. 6, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Thương